

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiên T1 – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Tân Văn D – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Địa chỉ: số E H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Á và người đại diện theo ủy quyền của ông Á, bà Phạm Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:***

Ông Nguyễn Văn Á là chủ sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích: 139,2m² thuộc thửa đất số: 143, tờ bản đồ số: 10, tọa lạc tại: tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 845036, số vào sổ: CH00037 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/12/2011.

Phần đất phía sau tiếp giáp với thửa đất số 143, ông Á có sử dụng diện tích khoảng 81,5m², thuộc một phần thửa đất số: 282, tờ bản đồ số: 10 (theo Văn bản của Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện T).

Về nguồn gốc: Ông Á nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 139,2m² và 81,5m² nêu trên từ bà Nguyễn Thị Minh B theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/1995. Hợp đồng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S lúc bấy giờ xác nhận. Nội dung hợp đồng thể hiện: bà Nguyễn Thị Minh B chuyển nhượng cho ông Á thửa đất chiều rộng 4,5m, chiều dài tới giáp mép bờ Sông V.

Trong quá trình sử dụng đất và sinh sống, ngày 22/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC, xử phạt hành vi lấn, chiếm đối với 81,5m² đất mà ông Á đã nhận chuyển nhượng từ bà B, buộc ông Á phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất.

Ngày 29/11/2021, ông Á làm đơn khiếu nại Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC. Ngày 19/01/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định số 246/QĐ-UBND, không chấp nhận đơn khiếu nại, giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, nên ngày 14/02/2022, ông Á làm đơn khiếu nại lần 2 gửi

tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, khiếu nại Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022.

Ngày 28/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q ra Quyết định số 1479/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2), nội dung là công nhận và giữ nguyên nội dung của Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 với lý do: Ông Á không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017NĐ-CP ngày 06/01/2017; cũng không có căn cứ xác định việc sử dụng ổn định lâu dài theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, đồng thời trước nay ông cũng không kê khai đăng ký nhà đất gì đối với phần diện tích đất này. Hiện nay Ủy ban nhân dân thị trấn S đã lập bộ và các hồ sơ pháp lý, xác lập thửa đất số 282 là đất công ích do Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý. Do đó căn cứ tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, ông Á không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 81,5m² này.

Các cơ sở mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q đưa ra là không phù hợp các quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ bà Nguyễn Thị Minh B từ năm 1995, gia đình ông Á đã chuyển về sinh sống và làm việc tại đây. Kể từ khi ông xây dựng các công trình kiên cố trên đất thì chính quyền địa phương là chủ thể quản lý việc sử dụng đất cũng không có ý kiến gì, không có xử phạt buộc dừng hay tháo dỡ công trình. Đến nay, khi gia đình ông Á đang sử dụng ổn định thì Ủy ban nhân dân huyện T lại ban hành quyết định xử phạt là trái pháp luật, bởi lẽ:

Theo khoản 2, Điều 128 Luật Đất đai 2013: “2. Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với loại đất được sử dụng ổn định lâu dài thì được sử dụng ổn định lâu dài”.

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 có quy định:

“2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã được sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

b) Đối với thửa đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp thì công nhận đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này”.

Phần diện tích 81,5m² của ông Á có nguồn gốc sử dụng ổn định, lâu dài từ trước ngày 01/7/2004 và công trình xây dựng trên phần đất sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp với ai nên theo quy định nêu trên, ông Á đủ điều kiện

để được công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành các Quyết định trái pháp luật đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích chính đáng của ông Á, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình ông.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên hủy Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Tuyên hủy Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Á.

- Tuyên hủy Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn Á.

****Tại Công văn số 954/UBND-NC ngày 28/3/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:***

Ngày 15/10/2021, Tổ công tác của Ủy ban nhân dân thị trấn S kiểm tra hiện trường xác định ông Nguyễn Văn Á lấn, chiếm 81,5m²/202,6m², thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 10, thị trấn S (bản đồ VLAP năm 2010), diện tích 202,6m²; loại đất trồng cây hàng năm khác, do Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý.

Ngày 25/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Á. Do mức xử phạt vượt thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S chuyển toàn bộ hồ sơ kèm theo Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 25/10/2021 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X theo thẩm quyền.

Ngày 27/10/2021, Ủy ban nhân dân huyện C Công văn số 2921/UBND giao phòng Tư pháp kiểm tra trình tự, thủ tục; qua kiểm tra phòng Tư pháp có Công văn số 81/PTP ngày 28/10/2021, phòng T có Tờ trình số 219/TTr-TNMT ngày 29/10/2021 kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G thời gian xác minh tình tiết vụ việc và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tại Công văn số 2962/UBND ngày 29/10/2021.

Trên cơ sở kết quả xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính tại Biên bản ngày 16/11/2021. Phòng T có Tờ trình số 418/TTr-TNMT ngày 20/11/2021, phòng Tư pháp có ý kiến tại Công văn số 98/PTP ngày 22/11/2021. Ngày 22/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Á về hành vi lấn, chiếm đất theo quy định tại: Điểm a Khoản 2 và Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, mức phạt tiền là 8.000.000

đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm.

Không thống nhất với kết quả giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, ông Nguyễn Văn Á khiếu nại Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021. Qua kiểm tra xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 giữ nguyên toàn bộ nội dung Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Á và Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Á (lần đầu) là đảm bảo nội dung, trình tự thủ tục theo quy định. Việc ông Á yêu cầu hủy 02 Quyết định trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

****Tại Công văn số 1359/UBND-NC ngày 03/4/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q trình bày:***

Năm 2021, khi nhận được phản ánh về việc một số hộ dân đã xây dựng lấn đất bãi bồi dọc tuyến kè bờ bắc Sông V, Ủy ban nhân dân thị trấn S đã tổ chức kiểm tra, phát hiện và lập biên bản hiện trường đối với các trường hợp coi nơi xây dựng lấn chiếm đất dọc bờ kè Sông Vệ do Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý, trong đó có trường hợp ông Nguyễn Văn Á được xác định lấn chiếm 81,5m² thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ VLAP), diện tích 202,6m², loại đất BHK, thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn S. Trên cơ sở Biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết của vụ việc và theo quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Á về hành vi lấn, chiếm đất, với hình thức phạt chính: Phạt tiền 8.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm.

Không đồng ý việc xử phạt vi phạm hành chính, ông Nguyễn Văn Á phát sinh đơn khiếu nại đề ngày 29/11/2021, khiếu nại Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính đối với ông.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 giữ nguyên Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021.

Không thống nhất, ông Nguyễn Văn Á phát sinh đơn đề ngày 14/02/2022 khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính đối với ông và yêu cầu hủy bỏ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 về xử

phạt vi phạm hành chính đối với ông và số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông, cho phép ông tiếp tục sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất.

Ngày 14/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 474/QĐ-UBND thụ lý và giao Chánh Thanh tra tỉnh xác minh nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn Á. Trên cơ sở kết quả xác minh của Thanh tra tỉnh tại Báo cáo số 110/BC-TTT ngày 29/8/2022 và kết quả đối thoại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn Á, theo đó không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông.

Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q đối với nội dung vụ kiện:

Phần diện tích đất 81,5m² do ông Nguyễn Văn Á sử dụng, bị xử phạt vi phạm hành chính, đang khiếu nại cho rằng mình có quyền sử dụng đất hợp pháp, đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông Nguyễn Văn Á không có bất kỳ các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, cũng không có căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định của ông theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đồng thời, từ trước đến nay ông cũng không kê khai đăng ký nhà đất gì đối với phần diện tích đất này. Hiện nay, Ủy ban nhân dân thị trấn S đã lập bộ và các hồ sơ pháp lý xác lập thửa đất số 282, là đất công ích do Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý, được Sở T3 cập nhật Sổ địa chính ngày 30/7/2021. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, ông Nguyễn Văn Á không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích này.

Mặt khác, phần diện tích 81,5m² nằm trong thửa đất số 282, tờ bản đồ số 10 (*Bản đồ VLAP*), diện tích 202,6m², loại đất BHK, thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn S. Tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, ông Nguyễn Văn Á là người sử dụng đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý để xây dựng công trình mà không có giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng, do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xác định ông Nguyễn Văn Á có hành vi lấn chiếm đất do Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Á có hành vi lấn chiếm đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là có cơ sở.

Ủy ban nhân dân thị trấn S và các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân huyện T đã lập Biên bản vi phạm hành chính, xác lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn Á đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, thời hiệu và trình tự, thủ tục theo các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Á có hành vi lấn chiếm đất theo quy định tại điểm a Khoản 2 và Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Việc ông Nguyễn Văn Á yêu cầu hủy bỏ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông, 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông; cho phép ông tiếp tục sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất nêu trên, là không có căn cứ. Khiếu nại của ông Nguyễn Văn Á là sai.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại (*lần hai*) của ông Nguyễn Văn Á, theo đó công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tại Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 là đúng. Yêu cầu ông Nguyễn Văn Á, Ủy ban nhân dân huyện T và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Á.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim H trình bày:***

Bà Phạm Thị Kim H thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn S không có ý kiến trình bày:*** Về quy trình lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, nguồn gốc đất và quá trình sử dụng từ trước đến nay, thời điểm xây dựng lấn chiếm đối với trường hợp ông Nguyễn Văn Á đã được UBND thị trấn S có văn bản Kết luận số 01/KL-UBND ngày 10/01/2022 và Kết luận số 02/KL-UBND ngày 10/01/2022. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 10, 11, 100, khoản 2 Điều 141 và khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Phụ lục 1 đính kèm theo Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ T4 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37, điểm h khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn Á về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hủy Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Á.

- Hủy Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn Á.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/10/2023, ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị Thu T2 (đại diện theo ủy quyền của ông Á) kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lí do kháng cáo ông Á, bà T2 có cùng nội dung như sau: Diện tích đất 81,5m² thuộc thửa đất số 282, ông Á nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Minh B vào năm 1995, có chính quyền thị trấn xác nhận, năm 1998 ông Á đã xây dựng xưởng mộc, nay UBND huyện T xử phạt vi phạm hành chính là không đúng, ông Á, bà T2 yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Á, bà T2, giữ nguyên kháng cáo;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Á, bà T2, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Á, bà T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 7, khoản 4 Điều 32, khoản 2 và khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Kháng cáo của ông Á, bà T2 là hợp lệ, trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

- Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, ... không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ VLAP), thị trấn S, diện tích 202,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK), theo bản đồ lập năm 1993, phần diện tích 202,6m² (*trong đó có 81,5m² do vợ chồng ông Nguyễn Văn Á, bà Phạm Thị Kim H đang khiếu kiện,*) nêu trên không thể hiện số thửa, diện tích; Theo hồ sơ cân đối giao đất thực hiện theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, được Ủy ban nhân dân thị trấn S lập năm 1998, phần diện tích 202,6m² không được cân đối giao cho ai sử dụng, cũng như không thể hiện diện tích, số hiệu thửa đất. Theo Bản đồ được thực hiện theo Dự án VLAP trên địa bàn thị trấn S, huyện T vào năm 2011, phần diện tích 202,6m² được xác định thuộc thửa đất có số hiệu 282, tờ bản đồ số 10. Như vậy, từ trước những năm 1993 đến năm 2011, phần diện tích 202,6m² nêu trên chưa được bất kỳ cá nhân, tổ chức nào đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất.

Theo Sổ mục kê năm 2012, quyển số 1, trang 99 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T3 phê duyệt ngày 28/9/2012, thửa đất số 282 thể hiện thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân thị trấn S.

[2.2.] Theo trình bày của vợ chồng ông Á, bà H, năm 1995, ông Á, bà H nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Minh B, đến năm 2004, vợ chồng ông

Á, bà H đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Minh B.

Xem xét lời khai về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/1995 có sự xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S, thể hiện: bà Nguyễn Thị Minh B chuyển nhượng cho ông Á thửa đất chiều rộng 4,5m, chiều dài tới giáp mép bờ Sông Vệ, tuy nhiên, không có diện tích, kích thước cụ thể của thửa đất.

[2.3.]. Tại hồ sơ đăng ký, kê khai xin cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 02609 QSDĐ/1129/2004/QĐUB (H) ngày 29/9/2004 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Á, thửa đất 2185, tờ bản đồ số 2, thị trấn S, có diện tích 138m², mục đích sử dụng là đất ở, có trích lục bản đồ kèm theo Giấy chứng nhận. Năm 2011, ông Á và bà H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BH 845036, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00037, ngày 01/12/2011, thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 139,2m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị và có sơ đồ thửa đất kèm theo trong giấy chứng nhận (*cấp theo Dự án VLAP*).

Như vậy, quyền sử dụng hợp pháp của ông Á, bà H chỉ có diện tích 139,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 141 và khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013 “*Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã đó quản lý*”, “*Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính*”, nên việc Ủy ban nhân dân thị trấn S quản lý đối với diện tích 81,5m² (*chưa cấp Giấy chứng nhận*) tại thửa đất 282 trong Sổ mục kê vào năm 2012 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2.4.]. Đối với phần diện tích 81,5m², quá trình sử dụng, ông Á, bà H không đăng ký, kê khai và cũng không được Nhà nước công nhận, sau 02 lần cấp lần đầu và cấp đổi giấy chứng nhận đều không có diện tích đất nói trên, theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ là do Nhà nước quản lý. Đặc biệt là phần diện tích đất 81,5m² nói trên đang thực hiện dự án Kè bảo vệ bờ Bắc sông V theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh Q, theo sơ đồ quy hoạch tất cả các hộ dân sinh sống tại bờ Bắc sông V đều không được lấn chiếm ra phía mép sông, các công trình của ông Á, bà H xây dựng trên diện tích 81,5m², đất nông nghiệp, không có sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hành vi lấn chiếm đất, vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.5.]. Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thì hành vi lấn chiếm đất được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện, thời hiệu xử phạt được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là hai năm. Tính đến ngày 22/11/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-

XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Á là đảm bảo quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ hành vi vi phạm nêu trên của ông Nguyễn Văn Á, Chủ tịch UBND huyện T đã căn cứ điểm a, khoản 2 và khoản 5, Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và các Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 để xử phạt đối với ông Nguyễn Văn Á, phạt tiền 8.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc trả lại đất lấn chiếm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xem xét yêu cầu hủy Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và hủy Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 1, lần 2) của ông Nguyễn Văn Á, xét thấy:

[3.1] Về trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền ban hành Quyết định: Ngày 29/11/2021, ông Á có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Á, ngày 09/12/2021 Chủ tịch UBND huyện T thụ lý đơn, phân công các cơ quan chuyên môn, xác minh, thu thập tài liệu, làm việc với người khiếu nại và các cơ quan có liên quan giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

Sau khi nhận Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022, ngày 14/02/2022, ông Á khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Ngày 14/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã thụ lý đơn khiếu nại, phân công các cơ quan chuyên môn xác minh, thu thập tài liệu, làm việc với người khiếu nại và các cơ quan có liên quan để ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn Á, tuy có trễ thời hạn theo quy định, do tính chất phức tạp của vụ việc, nhưng không ảnh hưởng gì lớn đến quyền khiếu nại của đương sự, chỉ yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Q rút kinh nghiệm trong công tác giải quyết khiếu nại. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q là đúng theo quy định tại các Điều 36 và Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013,

[3.2] Về nội dung: Như đã phân tích, nhận định tại mục [2.1] và [2.2] nêu trên, việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai đối với ông Nguyễn Văn Á là đúng pháp luật, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và

Chủ tịch UBND tỉnh Q đã không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn Á là có cơ sở pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông Á, bà T2, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Á phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn Á và người đại diện theo ủy quyền, bà Phạm Thị Thu T, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

1. Áp dụng các Điều 10, 11, 100, khoản 2 Điều 141 và khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Phụ lục 1 đính kèm theo Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ T4 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37, điểm h khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013;

2. Xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 19/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hủy Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Á.

- Hủy Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn Á.

3. Các Quyết định khác về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn Á phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000138, ngày 08/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi

